

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 07/2019/DS - ST

Ngày: 07- 5- 2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH ,TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Sâm.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hoàng Văn Bình.
2. Bà Đồng Thị Thanh Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2018/TLST- DS ngày 13 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2019/QĐXX- ST ngày 12 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1970; Địa chỉ: Số nhà 878, đường T, phố V, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: **Chị Chu Thị N**, sinh năm 1967; Địa chỉ: Số nhà 12, ngõ 850, đường T, phố T, phường T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên tòa: Chị H, chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thu H trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với nhau nên ngày 12/05/2011 chị có cho chị Chu Thị N vay số tiền là 411.000.000đ (Bốn trăm mười một triệu đồng), hai bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau tính lãi theo lãi suất ngân hàng. Khi vay tiền chị N viết giấy biên nhận vay tiền và hẹn đến cuối năm 2011 sẽ thanh toán, chị N có gửi lại cho chị 01 bìa đất mang tên Chu Thị N để làm tin thế chấp vay tiền của chị. Từ khi vay cho đến nay chị N đã trả cho chị được 13 lần tổng số tiền là 88.400.000đồng, khi trả đều ghi vào sổ và có giấy chuyển khoản. Đến ngày 06/05/2019 chị N trả cho chị số tiền 28.000.000đồng, tổng cộng chị N trả cho chị được 14 lần với số tiền là 116.400.000đồng đây là số tiền trả lãi, số tiền gốc chị N vẫn

chưa trả cho chị được đồng nào. Do vậy chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Chu Thị N phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền gốc là 411.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 07/5/2019 còn lại là 199.240.000đồng, lãi tính theo mức lãi suất của Ngân hàng là 0,8%/tháng (0,96%/năm). Tổng cộng số tiền nợ cả gốc và lãi tính đến ngày 07/5/2019 chị Chu Thị N còn nợ lại chị số tiền là 610.240.000đồng (Sáu trăm mười triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng) và tiền lãi phát sinh sau ngày 07/5/2019 cho đến khi chị N trả hết toàn bộ số tiền nợ cho chị theo quy định của pháp luật, khi nào chị N trả hết số tiền nợ trên cho chị, thì chị sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Chu Thị N cho chị N.

Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn chị Chu Thị N trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nhau ngày 12/5/2011 chị có viết giấy vay tiền của chị Nguyễn Thị Thu H số tiền vay là 411.000.000đồng (Bốn trăm mười một triệu đồng), khi vay các chị có thỏa thuận lãi suất miệng theo ngân hàng và có hẹn cuối năm 2011 chị sẽ thanh toán, chị có gửi lại chị H 01 bì đất mang tên chị là Chu Thị N để làm tin thế chấp vay số tiền trên. Do điều kiện chị làm ăn gặp khó khăn trong việc kinh doanh, nên đến hẹn chị không thanh toán đầy đủ số tiền gốc cho chị H được, tính đến ngày 06/5/2019 chị đã trả cho chị H được 14 lần với tổng số tiền là 116.400.000đồng (Một trăm mười sáu triệu, bốn trăm nghìn đồng), khi trả các chị đều có ghi vào sổ và có giấy chuyển tiền, chị có nói với chị H là chị trả số tiền trên tính vào số tiền gốc cho chị, nhưng cũng không thể hiện trên giấy tờ là trả vào tiền nợ gốc hay tiền lãi, số tiền chị đã trả chị H tính vào số tiền lãi chị không có ý kiến gì. Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị phải trả số tiền nợ gốc là 411.000.000đ (Bốn trăm mười một triệu đồng) và tiền nợ lãi là 199.240.000đồng, tổng số tiền cả gốc và lãi đến ngày 07/5/2019 là 610.240.000đồng chị hoàn toàn nhất trí. Nhưng do điều kiện hiện nay của chị làm ăn khó khăn thua lỗ, chị xin chị H tạo điều kiện cho chị trả nợ dần số tiền gốc là 411.000.000đồng, còn số tiền lãi chị xin chị H miễn toàn bộ cho chị, nếu chị H không nhất trí thì chị đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa bị đơn chị N đề nghị chị H cho chị xin trả nợ dần số tiền gốc mỗi tháng là 50 triệu đồng, còn số tiền lãi chị xin chị H miễn toàn bộ cho chị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trình bày của các đương sự và được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Thu H khởi kiện yêu cầu chị Chu Thị N phải trả số tiền nợ gốc và lãi cho chị theo quy định của pháp luật, nên đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại

các Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào giấy biên nhận vay tiền ngày 12/05/2011 do chị Nguyễn Thị Thu H xuất trình thể hiện chị Chu Thị N có vay của chị Nguyễn Thị Thu H số tiền là 411.000.000đồng (Bốn trăm mười một triệu đồng) lãi suất thỏa thuận bằng miệng theo lãi suất ngân hàng và hẹn đến cuối năm 2011 sẽ thanh toán, khi vay hai bên không làm hợp đồng chỉ viết giấy biên nhận vay tiền nhưng đây là sự thỏa thuận của các bên khi giao tài sản là căn cứ để xác định đây là hợp đồng vay tài sản (vay tiền) có kỳ hạn và có lãi được quy định tại khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến thời hạn chị N không thanh toán cho chị H số tiền nợ gốc, chị H đã nhiều lần yêu cầu chị N trả số nợ gốc song chị N vẫn cố tình không trả nợ cho chị H là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Đến nay chị N xác nhận còn nợ chị H số tiền nợ gốc 411.000.000đồng chưa thanh toán. Việc chị H khởi kiện yêu cầu chị N phải thanh toán số tiền nợ là có căn cứ. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H buộc chị Chu Thị N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc đã vay là 411.000.000đồng cho chị Nguyễn Thị Thu H.

[3] Về lãi suất: Trong giấy biên nhận vay tiền các bên đương sự không ghi lãi suất mà chỉ thỏa thuận miệng lãi suất theo ngân hàng. Từ khi vay cho đến nay chị N đã trả cho chị H được 14 lần, tổng số tiền là 116.400.000đồng tiền lãi, lần trả cuối cùng vào ngày 06/05/2019. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị H yêu cầu chị N trả lãi tính theo lãi Ngân hàng là 0,8%/tháng (tương đương 9,6%/năm), chị N nhất trí và hai bên đều thống nhất thỏa thuận tính lãi là 0,8%/tháng và số tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử 07/05/2019 là 199.240.000đồng, yêu cầu này của chị H là có căn cứ phù hợp với khoản 5 Điều 466, Điều 468 và Điều 470 Bộ luật dân sự. Vì vậy Tòa án chấp nhận số tiền lãi mà chị H yêu cầu chị N phải trả cho chị H tính đến ngày xét xử 07/5/2019 là 199.240.000đồng. Chị N phải tiếp tục trả lãi phát sinh sau ngày 07/5/2019 cho đến khi chị N trả hết số tiền nợ gốc cho chị H.

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H, buộc chị Chu Thị N phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán cho chị Nguyễn Thị Thu H tính đến ngày 07/5/2019 là: 610.240.000đồng (trong đó: nợ gốc là 411.000.000đồng, nợ lãi là 199.240.000đồng).

Kể từ ngày 08/5/2019 chị Chu Thị N còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự mà các bên thỏa thuận cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho chị Nguyễn Thị Thu H.

Khi vay chị Chu Thị N có gửi chị Nguyễn Thị Thu H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 384438 do UBND huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình cấp ngày 21/4/2009 mang tên bà Chu Thị N. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không yêu cầu đòi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6; Điều 24; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị Chu Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền:

$[(610.240.000đ - 400.000.000đ) \times 4\%] = 8.409.600đ + 20.000.000đ = 28.409.600đ$ (làm tròn: 28.409.000đ) (Hai mươi tám triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

Chị Nguyễn Thị Thu H không phải nộp án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng: Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468; Điều 470; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 24, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thu H đối với chị Chu Thị N về “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.

1. Buộc chị Chu Thị N phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền nợ gốc là 411.000.000đ (Bốn trăm mười một triệu đồng) và tiền lãi là: 199.240.000đ. Tổng số tiền mà chị Chu Thị N phải trả cho chị Nguyễn Thị Thu H là: 610.240.000đ (Sáu trăm mười triệu, hai trăm bốn mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày 08/5/2019 chị Chu Thị N còn phải trả nợ lãi cho chị Nguyễn Thị Thu H trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho chị Nguyễn Thị Thu H.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Chu Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 28.409.000đ (Hai mươi tám triệu, bốn trăm linh chín nghìn đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Nguyễn Thị Thu H số tiền là 15.116.000đồng (Mười lăm triệu, một trăm mười sáu nghìn đồng) chị H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000996 ngày 13/12/2018.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật, hoặc kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị N không trả chị H số tiền trên thì chị N còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên đương sự nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 07 tháng 5 năm 2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Thị Sâm

